



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỒNG  
PHONG  
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
LẠNG SƠN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH**

**Công khai hồ sơ đăng ký đất đai**

(Kèm theo thông báo niêm yết số 99/TB-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026)

| Số TT | Tên người sử dụng đất,<br>chủ sở hữu tài sản gắn<br>liền với đất | Địa chỉ thường trú                                | Địa chỉ thửa đất                                  | Tờ bản<br>đồ số | Thửa<br>đất số | Diện<br>tích đất<br>(m <sup>2</sup> ) | Thời điểm sử<br>dụng đất | Nguồn gốc sử<br>dụng đất | Hiện trạng sử dụng<br>đất, tài sản gắn liền<br>với đất | Thời điểm<br>tạo lập tài<br>sản gắn liền<br>với đất | Tình trạng<br>tranh chấp | Sự phù<br>hợp<br>với<br>quy<br>hoạch |
|-------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------|----------------|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|
| 1     | Vương Văn Thắng                                                  | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hong Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hong Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | 126             | 37             | 118                                   | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất ở tại nông thôn                                    | 2003                                                | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 16             | 129                                   | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 17             | 83                                    | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 18             | 49                                    | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 19             | 43                                    | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 21             | 174                                   | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 29             | 55                                    | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 30             | 173                                   | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 31             | 163                                   | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 32             | 144                                   | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 33             | 130                                   | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 112             | 20             | 483                                   | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất ở tại nông thôn                                    |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 112             | 21             | 371                                   | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng cây hàng<br>năm khác                         |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 1              | 120                                   | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 14             | 19                                    | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 15             | 56                                    | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |
|       |                                                                  |                                                   |                                                   | 94              | 2              | 102                                   | Trước năm 1980           | Cha ông để lại           | Đất trồng lúa còn<br>lại                               |                                                     | Không có<br>tranh chấp   |                                      |

|   |                |                                                   |                                                   |    |    |     |                |                |                                |  |                        |  |
|---|----------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----|----|-----|----------------|----------------|--------------------------------|--|------------------------|--|
| 2 | Nông Văn Vương | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hồng Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hồng Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | 94 | 23 | 59  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 24 | 67  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 25 | 67  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 3  | 144 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 34 | 121 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 35 | 98  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 36 | 83  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 37 | 92  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 38 | 75  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 39 | 114 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 4  | 77  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 40 | 99  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 41 | 108 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 43 | 151 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 44 | 83  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 46 | 51  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 47 | 54  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 48 | 131 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 49 | 54  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 5  | 81  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 52 | 257 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 94 | 6  | 102 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |

|   |               |                                             |                                             |     |     |       |                |                |                             |      |                     |  |
|---|---------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|------|---------------------|--|
|   |               |                                             |                                             | 94  | 7   | 194   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 94  | 8   | 379   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
| 3 | Bùi Thị Hoa   | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng     | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng     | 140 | 154 | 168,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | 2008 | Không có tranh chấp |  |
| 4 | Toàn Thị Khăm | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 127 | 11  | 81    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 127 | 12  | 165   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 127 | 14  | 90    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 127 | 15  | 42    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 128 | 105 | 430   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | 1996 | Không có tranh chấp |  |
| 5 | Hoàng Thị Áy  | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 130 | 136 | 125,0 | Trước năm 1981 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 142 | 23  | 146   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 142 | 24  | 320   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 142 | 27  | 124   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 142 | 28  | 191   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 142 | 29  | 313   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 142 | 37  | 184   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
| 6 | Nông Thị Hà   | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng     | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng     | 139 | 210 | 291,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | 2004 | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 155 | 57  | 607   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 166 | 102 | 119   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 166 | 103 | 199   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 166 | 104 | 108   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 166 | 105 | 86    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|   |               |                                             |                                             | 166 | 106 | 497   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |

|   |                |                                                   |                                                   |     |     |     |                |                |                                |      |                        |  |
|---|----------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----|-----|-----|----------------|----------------|--------------------------------|------|------------------------|--|
| 7 | Nông Văn Quyết | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hồng Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hồng Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | 166 | 109 | 64  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 111 | 46  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 112 | 75  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 113 | 105 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 114 | 112 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 118 | 345 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 128 | 249 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn            | 2006 | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 149 | 117 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 150 | 51  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 72  | 68  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 73  | 106 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 73  | 106 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 165 | 22  | 306 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất nuôi trồng thủy<br>sản     |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 165 | 23  | 214 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 107 | 128 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 110 | 144 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 115 | 93  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 116 | 166 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 117 | 393 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 119 | 68  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 120 | 93  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 121 | 54  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 122 | 70  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 122 | 70  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |

|   |                |                                                   |                                                   |     |     |         |                |                |                                |      |                        |  |
|---|----------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----|-----|---------|----------------|----------------|--------------------------------|------|------------------------|--|
| 8 | Nông Văn Khuân | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hong Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hong Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | 166 | 123 | 75      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 124 | 55      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 125 | 75      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 126 | 125     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 127 | 624     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn            | 1974 | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 147 | 72      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 148 | 97      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 151 | 174     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 43  | 54      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 44  | 80      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 45  | 58      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 66  | 409     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 67  | 29      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 68  | 576     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 69  | 49      | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 71  | 561     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 166 | 74  | 290     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
| 9 | Mỗ Văn Lâm     | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hong Phong, tỉnh Lạng        | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hong Phong, tỉnh Lạng        | 140 | 7   | 1.227,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 133 | 35  | 301     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      |                        |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 133 | 36  | 114     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 145 | 107 | 186     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |
|   |                |                                                   |                                                   | 145 | 108 | 150     | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |      | Không có<br>tranh chấp |  |

|    |              |                                             |                                             |     |     |     |                |                |                             |  |                     |  |
|----|--------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-----|-----|-----|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|--|
| 10 | La Văn Nam   | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 145 | 65  | 63  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 68  | 159 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 69  | 164 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 70  | 37  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 71  | 117 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 72  | 75  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 73  | 118 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 74  | 141 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 75  | 87  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 77  | 88  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
| 11 | La Văn Phòng | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 133 | 16  | 153 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 133 | 18  | 99  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 133 | 19  | 72  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 133 | 6   | 156 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 133 | 7   | 111 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 133 | 9   | 187 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 101 | 159 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 110 | 156 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 113 | 158 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 38  | 132 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 42  | 439 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |              |                                             |                                             | 145 | 78  | 228 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |

|    |            |                                             |                                             |     |    |      |                |                |                             |      |                     |  |
|----|------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-----|----|------|----------------|----------------|-----------------------------|------|---------------------|--|
|    |            |                                             |                                             | 145 | 80 | 554  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 82 | 342  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 83 | 186  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 84 | 1325 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 85 | 878  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | 2007 | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 86 | 531  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 87 | 162  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 88 | 161  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 94 | 154  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
| 12 | Vy Văn Phê | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 140 | 56 | 356  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 140 | 57 | 237  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 30 | 150  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 31 | 108  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 33 | 206  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 34 | 262  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 35 | 115  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 36 | 711  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 44 | 353  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 152 | 76 | 148  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 152 | 77 | 147  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 152 | 85 | 74   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 152 | 86 | 188  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |

|    |               |                                             |                                             |     |     |       |                |                |                             |      |                     |  |
|----|---------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------------|------|---------------------|--|
|    |               |                                             |                                             | 152 | 87  | 124   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 152 | 88  | 258   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 152 | 89  | 83    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 1   | 111   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
| 13 | Đương Thị Yêu | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 140 | 19  | 173,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 140 | 125 | 230,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | 1990 | Không có tranh chấp |  |
| 14 | La Văn Hoan   | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 144 | 100 | 183   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 144 | 101 | 159   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 144 | 103 | 259   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 144 | 124 | 187   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 144 | 92  | 488   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 145 | 104 | 330   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 145 | 122 | 1502  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 145 | 124 | 1126  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 145 | 43  | 34    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 145 | 44  | 240   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 145 | 45  | 39    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 154 | 54  | 1171  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 154 | 81  | 135   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 154 | 82  | 267   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 154 | 83  | 800   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 154 | 84  | 1033  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |

|    |               |                                             |                                             |     |     |       |                |                |                       |      |                     |  |
|----|---------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-----|-----|-------|----------------|----------------|-----------------------|------|---------------------|--|
|    |               |                                             |                                             | 154 | 85  | 116   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 154 | 86  | 184   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 154 | 87  | 219   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 154 | 90  | 441   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 154 | 91  | 790   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |      | Không có tranh chấp |  |
| 15 | Nông Văn Vàng | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 166 | 207 | 115,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 166 | 208 | 110,0 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
| 16 | Vy Văn Quyết  | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 163 | 12  | 103   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 13  | 115   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 14  | 65    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 15  | 99    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 16  | 89    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 17  | 111   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 25  | 146   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 26  | 91    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 140 | 299 | 318   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn   | 2008 | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 19  | 120   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 2   | 162   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 21  | 174   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 31  | 62    | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 32  | 184   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |               |                                             |                                             | 163 | 33  | 112   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |

|    |            |                                                   |                                                   |     |    |     |                |                |                                |  |                        |  |
|----|------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----|----|-----|----------------|----------------|--------------------------------|--|------------------------|--|
| 17 | Hà Văn Eng | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hong Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hong Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | 116 | 34 | 443 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 35 | 394 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 46 | 85  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 47 | 103 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 48 | 63  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 49 | 54  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 50 | 56  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 51 | 79  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 52 | 52  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 53 | 67  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 54 | 75  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 55 | 53  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 57 | 67  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 58 | 86  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 116 | 59 | 357 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng<br>lúa        |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 132 | 12 | 155 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 132 | 13 | 83  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 132 | 27 | 238 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 132 | 28 | 74  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 132 | 29 | 436 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 133 | 27 | 108 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |            |                                                   |                                                   | 133 | 28 | 158 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |

|  |  |  |  |     |    |     |                |                |                             |      |                     |  |
|--|--|--|--|-----|----|-----|----------------|----------------|-----------------------------|------|---------------------|--|
|  |  |  |  | 133 | 39 | 251 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 133 | 69 | 834 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | 1990 | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 145 | 5  | 639 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 36 | 240 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 37 | 259 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 38 | 368 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 39 | 453 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 43 | 126 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 45 | 58  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 60 | 213 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 61 | 317 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 62 | 121 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 66 | 313 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 67 | 242 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 68 | 120 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 69 | 116 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 70 | 77  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 71 | 67  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 72 | 68  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 73 | 103 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 74 | 54  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 116 | 75 | 107 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |

|    |             |                                                   |                                                   |     |    |     |                |                |                                |  |                        |  |
|----|-------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----|----|-----|----------------|----------------|--------------------------------|--|------------------------|--|
| 18 | La Thị Chiu | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hong Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã<br>Hong Phong, tỉnh Lạng<br>Sơn | 117 | 19 | 68  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 117 | 20 | 58  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 117 | 22 | 54  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 117 | 23 | 59  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 117 | 25 | 49  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 132 | 10 | 93  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 132 | 11 | 50  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 132 | 14 | 59  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 132 | 15 | 106 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 132 | 16 | 158 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 132 | 5  | 54  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 132 | 6  | 50  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 132 | 7  | 54  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 132 | 8  | 56  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 132 | 9  | 74  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 133 | 25 | 162 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 133 | 26 | 187 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng<br>năm khác |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 133 | 40 | 243 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 133 | 41 | 291 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 133 | 42 | 166 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |
|    |             |                                                   |                                                   | 133 | 44 | 209 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn<br>lại       |  | Không có<br>tranh chấp |  |

|    |                |                                             |                                             |     |     |      |                |                |                             |      |                     |  |
|----|----------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-----|-----|------|----------------|----------------|-----------------------------|------|---------------------|--|
|    |                |                                             |                                             | 133 | 67  | 89   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất nuôi trồng thủy sản     |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 133 | 68  | 1793 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 145 | 1   | 597  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | 1989 | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 145 | 2   | 807  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 145 | 33  | 878  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
| 19 | Lý Xuân Trường | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 155 | 26  | 187  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 155 | 44  | 1086 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 155 | 45  | 316  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 155 | 46  | 209  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa        |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 144 | 115 | 601  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn         | 1987 | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 34  | 86   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 49  | 312  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 68  | 51   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 69  | 144  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 70  | 127  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 71  | 127  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 72  | 83   | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 164 | 117 | 273  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 164 | 19  | 494  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 164 | 20  | 133  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |      | Không có tranh chấp |  |

|    |           |                                             |                                             |     |    |     |                |                |                             |  |                     |  |
|----|-----------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-----|----|-----|----------------|----------------|-----------------------------|--|---------------------|--|
| 20 | Vy Văn Dy | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 164 | 21 | 69  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 22 | 120 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 23 | 213 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 56 | 46  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 57 | 113 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 58 | 220 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 59 | 337 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 60 | 109 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 61 | 391 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 62 | 351 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 63 | 693 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 65 | 351 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 67 | 35  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 68 | 72  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 82 | 716 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 83 | 118 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 84 | 368 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 85 | 445 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 86 | 150 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |           |                                             |                                             | 164 | 87 | 74  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |

|  |  |  |  |     |    |     |                |                    |                             |  |                     |  |
|--|--|--|--|-----|----|-----|----------------|--------------------|-----------------------------|--|---------------------|--|
|  |  |  |  | 164 | 88 | 83  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 164 | 89 | 46  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 16 | 40  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 17 | 92  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 18 | 116 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 30 | 75  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 31 | 118 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 32 | 82  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 33 | 91  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 34 | 117 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 35 | 104 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 36 | 169 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 37 | 59  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 38 | 95  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 39 | 145 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 173 | 40 | 83  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 174 | 1  | 332 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 174 | 23 | 170 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 145 | 40 | 72  | Trước năm 1980 | nhận chuyển nhượng | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|  |  |  |  | 145 | 46 | 127 | Trước năm 1980 | nhận chuyển nhượng | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |

|    |            |                                             |                                             |     |    |     |                |                    |                             |  |                     |  |
|----|------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-----|----|-----|----------------|--------------------|-----------------------------|--|---------------------|--|
| 21 | La Văn Mau | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 145 | 47 | 215 | Trước năm 1980 | nhận chuyển nhượng | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 48 | 501 | Trước năm 1980 | nhận chuyển nhượng | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 50 | 115 | Trước năm 1980 | nhận chuyển nhượng | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 51 | 117 | Trước năm 1980 | nhận chuyển nhượng | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 52 | 244 | Trước năm 1980 | nhận chuyển nhượng | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 53 | 216 | Trước năm 1980 | nhận chuyển nhượng | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 54 | 160 | Trước năm 1980 | nhận chuyển nhượng | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 145 | 55 | 94  | Trước năm 1980 | nhận chuyển nhượng | Đất trồng cây hằng năm khác |  | Không có tranh chấp |  |
| 22 | Vy Văn Sĩ  |                                             |                                             | 140 | 84 | 765 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 140 | 93 | 666 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 11 | 197 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 12 | 71  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 13 | 77  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 15 | 121 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 18 | 60  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 151 | 27 | 117 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 152 | 62 | 124 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 152 | 63 | 129 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 152 | 64 | 128 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |
|    |            |                                             |                                             | 152 | 90 | 61  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại     | Đất trồng lúa còn lại       |  | Không có tranh chấp |  |

|    |                |                                             |                                             |     |     |     |                |                |                       |      |                     |  |
|----|----------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-----|-----|-----|----------------|----------------|-----------------------|------|---------------------|--|
|    |                |                                             |                                             | 152 | 91  | 76  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 152 | 93  | 54  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 10  | 36  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 11  | 67  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 18  | 81  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 3   | 98  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 4   | 66  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 6   | 90  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 8   | 120 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 163 | 9   | 39  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
| 23 | Hoàng Thị Hiệp | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | Thôn Đoàn Kết, xã Hồng Phong, tỉnh Lạng Sơn | 140 | 321 | 78  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất trồng lúa còn lại |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 140 | 360 | 204 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 140 | 361 | 297 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 140 | 362 | 86  | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 140 | 363 | 119 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 140 | 364 | 342 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất chuyên trồng lúa  |      | Không có tranh chấp |  |
|    |                |                                             |                                             | 140 | 260 | 318 | Trước năm 1980 | Cha ông để lại | Đất ở tại nông thôn   | 2003 | Không có tranh chấp |  |

































